TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2022/DS-PT
Ngày: 26-7-2022
V/v tranh chấp: *"Đòi đất bị lấn chiếm"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Đoàn Quốc Nam** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 19, 26 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "*Đòi đất bị lấn chiếm"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2021/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Trọng P**, sinh năm 1960,

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2022)

- *Bị đơn:*

1/ Anh **Đỗ Thành T**, sinh năm 1980, (có mặt);

2/ Chị **Nguyễn Thị Mỹ T1**, sinh năm 1984, (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh Văn R, sinh năm 1943, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2. Bà Tô Ánh N, sinh năm 1957. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 149/21/12 đường L, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh,

3. Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn P, chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 371 đường H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hải T – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện G (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Bùi Trọng P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn R.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Bùi Trọng P trình bày:

Nguồn gốc đất do ông P nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Thanh vào năm 2002, thửa đất số 1149, 1152, 1153 tổng diện tích 1.686m^2, giáp bà Trần Thị Chính thửa 1151, diện tích 164m^2. Quá trình sử dụng ông P cắm trụ xi măng theo ranh giới xung quanh. Năm 2007 bà Tô Ánh N được bà Chính tặng cho đất. Năm 2015 bà N được cấp đổi giấy thành thửa 174, diện tích 226,6m^2. Ông P được cấp đổi giấy thành thửa 173. Ngày 25/02/2016 bà N chuyển nhượng thửa đất 174 và căn nhà cho anh T. Anh T có sửa lại nhà, rào lưới B40 dọc theo các trụ xi măng của ông P, tự ý đổ vật tư, nhổ cọc ranh giáp lộ ấp 7 trên đất của ông P. Anh T tráng bê tông làm lối đi lấn qua đất ông P khoảng 24m^2 theo chiều dài căn nhà của anh T. Năm 2017 ông P khởi kiện anh T về tranh chấp ranh giới, sau đó ông P rút đơn kiện dân sự để khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, rồi lại rút đơn kiện hành chính, khởi kiện lại dân sự lần này. Ông P yêu cầu anh T và chị T1 phải tháo dỡ phần tráng bê tông, lưới B40 rào trên đất để trả ông P diện tích lấn chiếm như kết quả đo theo bản vẽ; yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Đỗ Thành T thửa đất số 174, diện tích 226,6 m^2 để cấp lại cho đúng diện tích ban đầu là 164m^2. Tại phiên tòa sơ thẩm ông P xin rút yêu cầu hủy giấy đất.

Bị đơn anh Đỗ Thành T, chị Nguyễn Thị Mỹ T1 trình bày:

Năm 2016 anh T và chị T1 mua căn nhà và nhận chuyển nhượng thửa đất số 174, diện tích 226,6 m^2 của bà Tô Ánh N. Khi mua nhà trên đất đã có sẵn các

trụ ranh xi măng giáp đất ông P, hàng rào lưới B 40 trụ bê tông giáp đất ông R. Từ khi nhận đất đến nay anh T và chị T1 sử dụng đất trong phạm vi ranh giới đã có sẵn. Anh T có sửa nhà xây thêm phần lò bánh mì, trán bê tông lối đi, rào lưới B40 nhưng không có nhổ trụ ranh của ông P, không lấn chiếm đất của của ông P, ông R, nên không đồng ý tháo dỡ tài sản trả đất cho ông P, ông R.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn R trình bày:

Nguồn gốc đất do ông R nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Trâm vào năm 2004, thửa đất số 1148 và 1150, diện tích 733m^2, giáp đất bà Chính tặng cho bà N. Quá trình sử dụng ông R có làm hàng rào trụ bê tông lưới B40 ở cạnh ngang phía sau giáp bà N, bà N làm hàng rào trụ bê tông lưới B 40 cạnh dọc giáp ông R. Năm 2015 dự án VLap đo cấp đổi giấy đất của ông R thành thửa 175, diện tích 683,4m^2, giảm 49,6m^2 nhưng ông R không biết lý do giảm diện tích. Thửa đất bà N đổi thành thửa 174, diện tích 226,6m^2, tăng diện tích. Năm 2016 bà N bán nhà đất cho anh T. Năm 2019 ông P tranh chấp ranh với anh T. Ngày 17/5/2019 Công ty Đông Hải thành phố M đo đất của ông P và đất anh T thì ông R mới biết là thửa đất 174 của bà N khi cấp đổi giấy tăng diện tích 62,6 m^2 đã chuyển nhượng cho anh T. Anh T đã xây thêm phần lò bánh mì, để 02 hồ nước, trán thêm bê tông lối đi trên phần diện tích lấn chiếm mà ông R bị giảm diện tích. Ông R yêu cầu anh T và chị T1 phải tháo dỡ tài sản trả lại ông R phần đất lấn chiếm theo diện tích bản vẽ đo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Ánh N trình bày.

Nguồn gốc thửa đất 174 do bà Chính tặng cho bà N, giáp đất ông P có các trụ ranh dọc theo chiều dài đất do ông P cắm trụ xi măng làm ranh giới. Từ năm 2000 cho đến năm 2017 ông P không có tranh chấp ranh với bà N. Ông P yêu cầu hủy giấy đất và đòi trả lại ông P 24m^2 đất là không hợp lý, không có căn cứ, là vu khống cho chủ đất cũ là bà N vì không có lấn chiếm đất, là gây thiệt hại cho chủ đất mới là anh T. Do bận công việc đi làm ở thành phố Hồ Chi Minh nên bà N có đơn yêu cầu vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang trình bày:

Bà Trần Thị Chính được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00273 ngày 24/02/1998, thửa đất số 1151, tờ bản đồ TPC1, diện tích 164m^2 , mục đích sử dụng T. Năm 2007 bà Tô Ánh N nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ hộ bà Trần Thị Chính, được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02433/A7 ngày 26/11/2007. Năm 2014 bà Tô Ánh N được cấp đổi giấy chứng nhận theo Dự án Vlap thành giấy chứng nhận số CH01420 do UBND huyện G cấp ngày 10/11/2014, thửa đất số 174, tờ bản đồ 93, diện tích 226,6m^2, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn164m^2, đất trồng cây hàng năm khác 62,6m^2. Ngày 09/11/2015 bà Tô Ánh N lập thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hồ sơ được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G thẩm tra giải quyết theo trình tự thủ tục, trình Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận số vào sổ CS00018 cho bà Tô Ánh N. Ngày 22/01/2016 bà Tô Ánh N lập thủ tục

chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất cho anh Đỗ Thành T. Ngày 25/02/2016 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G đã xác nhận anh Đỗ Thành T nhận chuyển nhượng vào trang 3 của giấy chứng nhận số vào sổ CS00018. Hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tô Ánh N, Sở Tài Nguyên và Môi trường thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất từ bà Tố Ánh N sang anh Đỗ Thành T, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Việc cấp đổi giấy đất lần đầu theo tài liệu bản đồ ảnh tỷ lệ 1/5000 (Thời điểm bắt đầu cấp năm 1997) và sau đó thực hiện việc cấp đổi giấy theo dự án Vlap năm 2014 (Đo đạc bản đồ địa chính có tọa độ có độ chính xác cao). Do độ chính xác của 02 hệ thống cơ sở dữ liệu khác nhau, nên khi cấp đổi giấy chứng nhận luôn có sự thay tăng hoặc giảm diện tích so với giấy chứng nhận đã cấp lần đầu. Khi lập thủ tục cấp đổi giấy đất cho hộ ông P và hộ ông R thì ông P, ông R có ký tên vào Đơn đề nghị cấp đổi giấy, trong đơn có ghi đầy đủ thông tin của thửa đất, ông P, ông R đã thừa nhận thông tin thửa đất là đúng để Hội đồng xét duyệt cấp đổi giấy xem xét, đề nghị, trình cơ quan có thẩm quyền cấp đổi giấy đất cho hộ ông P, ông R, bà N là đúng quy định. Từ cơ sở trên, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang không có cơ sở để hủy giấy chứng nhận số vào số CS00018 cấp ngày 31/12//2015 đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G xác nhận trên trang 3 đã chuyển nhượng cho anh Đỗ Thành T. Trường hợp Tòa án có bản án hoặc quyết định hủy giấy chứng nhận thì Sở Tài Nguyên và Môi trường sẽ thực hiện theo bản án hoặc quyết định của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 75/2021/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 166, 175 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự, xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Trọng P.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đinh Văn R.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Bùi Trọng P về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài Nguyên Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Đỗ Thành T thửa đất số 174, diện tích 226,6 m^2, tại ấp 7, xã Tân Tây, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/12/2021, nguyên đơn ông Bùi Trọng P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

Ngày 15/12/2021, ông Đinh Văn R có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông R.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của ông P và ông R giữ nguyên yêu cầu yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo bị đơn không đồng ý đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội D:

1/ Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Trọng P nhận thấy: Ông P có phần đất giáp ranh với bà Nguyễn Thị Chính có diện tích 164m^2 bà Chính cất nhà hết diện tích, ông P có cho bà Chính lối đi ngang 80cm chạy dài từ lộ nhựa đến mái nhà sau và cấm các trụ xi măng để phơi đồ, bà Chính tặng cho bà N cũng diện tích đất 164m^2 sau đó bà N kê khai đăng ký lại diện tích tăng lên 226,6m^2 đăng ký luôn phần đất ông P cho bà Chính sử dụng nhờ. Sau đó bà N chuyển nhượng lại cho anh T hiện nay anh T sử dụng trong đó có phần đất của ông P là 25,9m^2. Nay ông P yêu cầu anh T trả lại là có căn cứ. Tuy nhiên phần nhà của anh T có cất lấn qua phần ô quăn ngang 40cm dài 02m nếu trả bằng hiện vật ảnh hưởng đến ngôi nhà do đó buộc anh T trả bằng giá trị cho ông P nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của ông P.

2/ Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn R nhận thấy ông R có phần đất liền kề với bà Chính ông R có cất nhà ở, ranh đất giữa ông R với bà Chính là do ông R cấm sau đó bà Chính tặng cho bà N thì bà N sử dụng cũng đúng hiện trang. Năm 2016 bà N chuyển nhượng lại anh T, anh T có làm thêm mái che 01 đoạn 60cm dài khoảng 06m Ông R không tranh chấp. Nay ông R cho rằng ông T lấn qua đất của ông 49,7m^2 là không có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn R.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ Luật dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội D yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Trọng P và ông Đinh Văn R lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thời hạn kháng cáo của ông Bùi Trọng P và ông Đinh Văn R còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Đòi đất bị lấn chiếm" là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Trọng P có người đại diện. Bà Tô Ánh N và Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội D vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Trọng P nhận thấy: Vào năm 2002 ông Bùi Trọng P có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Thanh 03 thửa đất số 1149, 1152, 1153 có diện tích là 1686m^2 đất tọa lạc tại ấp 7 xã T, huyện G do ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất của ông P hướng Nam giáp đất của bà Trần Thị Chính là thửa 1151 diện tích là 164m^2 do bà Chính đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cất nhà ở hết diện tích đất 164m^2 cho nên ông P có cho bà Chính một lối đi cặp với bức tường nhà có chiều ngang 80cm bà Chính lát đal ngang 80cm từ mái nhà trên đến mái nhà sau và có cắm 05 trụ xi măng để giăng dây phơi đồ. Năm 2007 bà Chính tặng cho lại bà Tô Ánh N và bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/11/2007 với diện tích là 164m^2. Đến năm 2013 có chủ trương đo đạc và cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/5/2013 ông P có đơn đề nghị đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhập 03 thửa 1149, 1152,1153 diện tích 1.686m^2 thành thửa 173 diện tích 1662,4m^2 giảm 23,6m^2 ông P được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 04/6/2014. Ngày 10/4/2013 bà Tô Ánh N cũng có đơn đề nghị đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 1151 thành thửa 174 diện tích 226,6m^2 tăng lên diện tích là 62,6m^2 bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 31/12/2015 trong đó có phần lối đi mà ông P cho bà Chính sử dụng vì khi đoàn đo đạc Vlap đo không có chữ ký giáp ranh nên ông P không biết. Ngày 25/02/2016 bà Tô Ánh N chuyển nhượng hết thửa 174 và căn nhà cho anh T được thay đổi chủ sử dụng vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N. Sau đó ông T tráng xi măng đường đi và cắm trụ xi măng rào lại phần phía sau thì ông P mới biết cho nên ông P đã khiếu nại và đã khởi kiện kéo dài đến nay. Theo kết quả đo đạc của Công ty trách nhiệm hữu hạn và Tài nguyên môi trường INCOM và biên bản xem xét thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang ngày 24/6/2022 thì ông P xác định phần đất của ông P cho bà Chính sử dụng là 25,9m^2, phần đất này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng của bà Chính khi tặng cho bà N do đó phần đất này của ông P là có căn cứ. Khi anh T nhận chuyển nhượng của bà N cũng không đo đạc, ông P cũng không ký giáp ranh để xác định lại ranh giới khi nhận chuyển nhượng nên phần đất của anh T đang sử dụng có diện tích 25,9m^2 là của ông P nay ông P yêu cầu hộ anh T trả lại là có căn cứ. Hiện nay, anh T có tráng xi măng 01 đoạn làm đường đi từ lộ nhựa vào nhà, đặc 01 đồng hồ nước, đoạn tiếp giáp nhà sau có cắm trụ xi măng và rào lưới B40. Trong diện tích đất này căn nhà bà Chính phần ô quăn phía trước có lấn qua 40cm dài 02m nên buộc hộ anh T có nghĩa vụ tháo dở phần ô quăn có kích thước ngang 40cm dài 02m vào tháo dở các trụ xi măng rào lưới

B40 và di dời đồng hồ nước trả lại diện tích đất cho ông P là 25,9m^2. Do đó hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông P.

[4.2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn R nhận thấy: Vào năm 2004 ông Đinh Văn R nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Trâm 02 thửa đất số 1148 và 1150, diện tích 733m^2 do ông R đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hướng Bắc và hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Chính tặng cho bà N có diện tích như trên. Quá trình sử dụng ông R có làm hàng rào trụ bê tông lưới B40 ở cạnh ngang hướng tây giáp bà N, bà N làm hàng rào trụ bê tông lưới B40 cạnh dọc giáp ông R. Đến năm 2013 có chủ trương đo đạc và cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/5/2013 ông P có đơn đề nghị đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhập 02 thửa 1148,1150 diện tích 733m^2 thành thửa 175 diện tích 683,4m^2 giảm 49,6m^2 ông R được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 22/6/2015. Ông R có nhà ở liền kề với đất tranh chấp. Năm 2016, bà N chuyển hết nhà đất cho anh T, anh T có xây cất phần mái che thêm 60cm dài khoảng 06m mà ông R cũng không tranh chấp và tại phiên tòa phúc thẩm ông R thừa nhận phần đất tranh chấp trước đây là cái ao bà Chính đã sang lắp sử dụng ông cũng không có ý kiến gì. Nay ông cho R cho rằng anh T, bà N lấn của ông R diện tích là 49,6m^2 là không có căn cứ Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông R là có căn cứ, ông R kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông R.

Từ những phần tích Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn R. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

Đối với phần đất buộc anh T, chị T1 trả lại hộ ông P do bà N tự đăng ký và chuyển nhượng cho anh T, chị T1 nếu bà N, anh T, chị T1 không thỏa thuận được thì sẽ tranh chấp bằng 01 vụ án dân sự khác.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Ông P và ông R là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp một phần nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 166, 175 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Trọng P.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn R.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2021/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Trọng P.

Buộc anh Đỗ Thành T và chị Nguyễn Thị Mỹ T1 có nghĩa vụ tháo dở phần ô quăn bằng bê tông có kích thước ngang 40 cm dài 02m, ống nước đồng hồ nước, các trụ xi măng lưới B40 và di dời các tấm đan trên diện tích đất 25,9m^2 trả lại cho hộ ông Bùi Trọng P diện tích đất 25,9m^2. (có sơ đồ ngày 30/6/2022 kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn R.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Bùi Trọng P về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài Nguyên Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Đỗ Thành T thửa đất số 174, diện tích 226,6 m^2, tại ấp 7, xã Tân Tây, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông P và ông R. Anh T và chị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông P được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0007330 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G. Ông R được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0007331 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 08 giờ 00 ngày 26/7/2022 có mặt ông R, bà Nhung, anh T, chị T1, Kiểm sát viên.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Kim Em

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh P **Nguyễn Thị Diệp Thúy** **Trần Thị Kim Em**